



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế



Accountants &
business advisers



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC
KHÁNH HÒA**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2/2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện Lực Khánh Hoà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200742214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp lần đầu ngày 19/03/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 20/05/2011.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Duy Cửu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Quang	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Ông Trịnh Giang Nam	Thành viên
Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc
Ông Võ Trí	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/08/2022)
Ông Võ Trí	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải - Giám đốc Công ty

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 30, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa



Nguyễn Phước Vĩnh Khải

Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2023



Số: 035/2023/BCKT-HT.00153

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 10/3/2022.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4018-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.669.677.133	19.980.219.962
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.871.264.388	3.910.484.998
1. Tiền	111		3.871.264.388	3.910.484.998
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.253.236.049	6.424.207.905
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.387.440.893	7.225.876.083
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.720.000	29.234.137
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	61.695.568	351.647.640
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.226.620.412)	(1.182.549.955)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	9.417.798.040	9.513.675.189
1. Hàng tồn kho	141		9.417.798.040	9.513.675.189
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		127.378.656	131.851.870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6a	104.248.913	131.851.870
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		23.129.743	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.990.746.471	13.348.311.835
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.338.000	18.338.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		18.338.000	18.338.000
II. Tài sản cố định	220		11.559.615.813	13.226.845.902
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	9.238.490.815	10.842.128.440
- Nguyên giá	222		47.582.891.679	47.132.854.406
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.344.400.864)	(36.290.725.966)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	2.321.124.998	2.384.717.462
- Nguyên giá	228		3.309.623.271	3.309.623.271
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(988.498.273)	(924.905.809)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		412.792.658	103.127.933
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6b	412.792.658	103.127.933
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		31.660.423.604	33.328.531.797



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.557.476.124	4.817.933.171
I. Nợ ngắn hạn	310		3.557.476.124	4.817.933.171
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.672.223.026	2.881.339.270
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		337.292.283	341.201.621
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	332.722.210	183.269.567
4. Phải trả người lao động	314		335.820.807	440.737.188
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	752.814.360	706.658.045
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		126.603.438	264.727.480
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.102.947.480	28.510.598.626
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	28.102.947.480	28.510.598.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.525.124.212	12.525.124.212
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		577.823.268	985.474.414
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		577.823.268	985.474.414
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		31.660.423.604	33.328.531.797

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng

Võ Trí

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Phước Vĩnh Khải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	49.657.163.805	35.200.983.432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	381.058.929	123.764.074
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	49.276.104.876	35.077.219.358
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	41.263.358.974	29.059.561.653
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.012.745.902	6.017.657.705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	103.057.887	8.332.124
7. Chi phí tài chính	22	6.4	53.063.673	63.108.314
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	63.108.314
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	4.915.094.894	2.468.586.235
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	2.183.268.626	1.899.591.461
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		964.376.596	1.594.703.819
11. Thu nhập khác	31	6.7	-	315.315.000
12. Chi phí khác	32	6.7	100.264.068	745.899.313
13. Lợi nhuận khác	40	6.7	(100.264.068)	(430.584.313)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		864.112.528	1.164.119.506
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	286.289.260	178.645.092
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		577.823.268	985.474.414
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	385	500

Người lập biểu

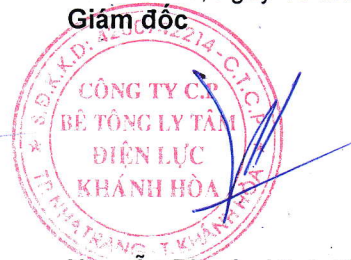
Nguyễn Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng

Võ Trí

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



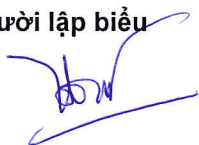
Nguyễn Phước Vĩnh Khải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		864.112.528	1.164.119.506
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.117.267.362	2.311.566.493
- Các khoản dự phòng	03		44.070.457	(764.722.950)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(103.057.887)	(323.647.124)
- Chi phí lãi vay	06		-	63.108.314
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.922.392.460	2.450.424.239
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.126.901.399	(188.101.197)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		95.877.149	(2.159.810.212)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.121.649.035)	(694.682.654)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(282.061.768)	84.581.470
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(63.108.314)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(319.551.375)	(276.713.935)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(364.150.054)	(485.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.057.758.776	(1.332.910.603)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(450.037.273)	(208.884.422)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		103.057.887	8.332.124
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(346.979.386)	(200.552.298)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(750.000.000)	(1.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(750.000.000)	(1.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.960.779.390	(3.333.462.901)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.910.484.998	7.243.947.899
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	7.871.264.388	3.910.484.998

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng



Võ Trí

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Phước Vĩnh Khải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200742214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 19/03/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 20/05/2011.

Vốn điều lệ của Công ty là: 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng chẵn). Tổng số cổ phần là 1.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc Lộ, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 72 người (tại ngày 31/12/2021 là: 79 người).

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.6 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.7 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 25 năm
- Máy móc thiết bị 03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 06 - 10 năm

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... và do cổ đông sáng lập góp vốn. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính 7 năm.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí giao hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: VND	
5.1. Tiền	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt	253.565.059	372.919.023
Tiền gửi ngân hàng	3.617.699.329	3.537.565.975
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	-
Cộng	<u>7.871.264.388</u>	<u>3.910.484.998</u>

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hoà với lãi suất 5,6%/năm.

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Công ty CP Đầu tư VCN	-	414.359.000
- Công ty TNHH TMDV- Xây dựng Khánh Vĩnh	-	1.118.399.000
- Công ty TNHH XD Thương Mại Hà Châu	68.464.996	385.899.996
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Hạ tầng Kỹ thuật	118.079.200	597.075.209
- Công ty TNHH SX-TM-XNK Đại Hưng Phát	585.121.603	585.121.603
- Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	-	386.100.000
- Công ty TNHH Sao Thăng Bấy Việt Nam	-	400.952.680
- Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam	764.094.083	-
- Công ty Cổ phần VICT	337.159.470	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.514.521.541	3.337.968.595
Cộng	<u>3.387.440.893</u>	<u>7.225.876.083</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Trong đó Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	-	386.100.000
- Công ty CP Điện lực Khánh Hoà	-	293.470.004

5.3. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	61.695.568	-	351.647.640	-
- Tạm ứng	27.000.000	-	138.000.000	-
- Thuế TNCN người lao động	7.362.028	-	186.677.640	-
- Các khoản phải thu khác	27.333.540	-	26.970.000	-
b. Dài hạn	18.338.000	-	18.338.000	-
- Đặt cọc thuê văn phòng	18.338.000	-	18.338.000	-
Cộng	80.033.568	-	369.985.640	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.4. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Công ty TNHH SXTM XNK Đại Hưng Phát	585.121.603	-	585.121.603	585.121.603	-	585.121.603
- Công ty TNHH MTV ACC Nha Trang	42.314.629	-	42.314.629	42.314.629	-	42.314.629
- Xí nghiệp Xây lắp 10 - Tổng Công ty 319	290.019.854	-	290.019.854	290.019.854	-	290.019.854
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phương Huy	30.856.067	9.256.820	21.599.247	30.856.067	15.428.033	15.428.034
- Công ty CP Xây dựng tổng hợp Nha Trang	212.611.082	-	212.611.082	220.687.273	-	220.687.273
- Công ty TNHH Nhật Tùng	-	-	-	96.595.207	-	28.978.562
- Công ty TNHH XD và TM Hà Châu	68.464.996	34.232.498	34.232.498	-	-	-
- Công ty TNHH Anh Cường	86.231.662	60.362.163	25.869.499	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng IVCON	29.704.000	14.852.000	14.852.000	-	-	-
Cộng	1.345.323.893	118.703.481	1.226.620.412	1.265.594.633	83.044.678	1.182.549.955

Tình hình biến động nợ phải thu khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	(1.182.549.955)	(1.947.272.905)
Tăng dự phòng	(81.125.210)	(265.821.043)
Hoàn nhập	37.054.753	559.732.263
Xoá nợ trong năm	-	470.811.730
Số dư cuối năm	(1.226.620.412)	(1.182.549.955)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.994.417.837	-	2.839.807.500	-
- Thành phẩm	6.924.546.935	-	5.702.530.545	-
- Hàng hóa	498.833.268	-	971.337.144	-
Cộng	9.417.798.040	-	9.513.675.189	-

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
a. Ngắn hạn	104.248.913	131.851.870
- Công cụ dụng cụ phân bổ	14.821.781	8.375.000
- Chi phí sửa chữa	28.187.119	21.683.336
- Các khoản khác	61.240.013	101.793.534
b. Dài hạn	412.792.658	103.127.933
- Công cụ dụng cụ phân bổ	45.785.987	54.259.644
- Chi phí sửa chữa	352.500.007	48.868.289
- Các khoản khác	14.506.664	-
Cộng	517.041.571	234.979.803

5.7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	14.577.455.269	26.701.971.437	5.853.427.700	47.132.854.406
Mua trong năm	-	450.037.273	-	450.037.273
Số dư cuối năm	14.577.455.269	27.152.008.710	5.853.427.700	47.582.891.679
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	8.101.937.929	22.469.396.647	5.719.391.390	36.290.725.966
Khấu hao trong năm	654.294.780	1.308.095.515	91.284.603	2.053.674.898
Số dư cuối năm	8.756.232.709	23.777.492.162	5.810.675.993	38.344.400.864
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	6.475.517.340	4.232.574.790	134.036.310	10.842.128.440
Tại ngày cuối năm	5.821.222.560	3.374.516.548	42.751.707	9.238.490.815

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu còn vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 23.132.939.415 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271
Số dư cuối năm	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	794.905.809	130.000.000	924.905.809
Khấu hao trong năm	63.592.464	-	63.592.464
Số dư cuối năm	858.498.273	130.000.000	988.498.273
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.384.717.462	-	2.384.717.462
Tại ngày cuối năm	2.321.124.998	-	2.321.124.998

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5.6,7,8 Khu CN Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

MẤU SỐ B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Thịnh Đức Tiến	327.142.500	327.142.500	293.410.000	293.410.000
- Công ty TNHH Vận tải Trần Ngọc Anh	137.434.680	137.434.680	233.751.000	233.751.000
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Việt Hưng Phát	236.467.460	236.467.460	194.586.348	194.586.348
- Công ty TNHH thép Povina	-	-	932.809.020	932.809.020
- Công ty CP kỹ thuật nền móng	-	-	253.109.200	253.109.200
- Công ty TNHH TV Chánh Hằng - CN Nha Trang	-	-	363.007.000	363.007.000
- Công ty TNHH MTV Sáu Sang	263.565.060	263.565.060	104.035.800	104.035.800
- Các khách hàng khác	707.613.326	707.613.326	506.630.902	506.630.902
Cộng	1.672.223.026	1.672.223.026	2.881.339.270	2.881.339.270

Số dư với bên liên quan xem chi tiết thuyết minh 7.3

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Phải thu đầu năm	Phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu cuối năm	Phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	150.441.924	1.010.817.711	866.480.549	-	294.779.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.132.372	286.289.260	319.551.375	23.129.743	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.695.271	104.018.412	102.169.669	-	24.544.014
Các loại thuế khác	-	-	105.601.058	92201948	-	13.399.110
Cộng	-	183.269.567	1.506.726.441	1.380.403.541	23.129.743	332.722.210

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Kinh phí công đoàn	55.378.672	9.222.357
- Phí đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Đặc Lộc	697.435.688	697.435.688
Cộng	<u>752.814.360</u>	<u>706.658.045</u>

5.12. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC				
Số dư tại 01/01/2021	15.000.000.000	12.525.124.212	2.550.206.247	30.075.330.459
Lãi trong năm	-	-	985.474.414	985.474.414
Chia cổ tức	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(750.206.247)	(750.206.247)
Số dư tại 31/12/2021	15.000.000.000	12.525.124.212	985.474.414	28.510.598.626
NĂM NAY				
Số dư tại 01/01/2022	15.000.000.000	12.525.124.212	985.474.414	28.510.598.626
Lãi trong năm	-	-	577.823.268	577.823.268
Chia cổ tức	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(235.474.414)	(235.474.414)
Số dư tại 31/12/2022	15.000.000.000	12.525.124.212	577.823.268	28.102.947.480

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công ty CP Điện lực Khánh Hoà	4.650.000.000	4.650.000.000
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	3.900.000.000	3.900.000.000
Các cổ đông khác	6.450.000.000	6.450.000.000
Cộng	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>

Các giao dịch về vốn góp của chủ sở hữu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	750.000.000	1.800.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Cổ phiếu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

5.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công ty TNHH XD Thịnh Hoàng	619.136.760	619.136.760
Công ty TNHH TV Kiến Trúc Xây dựng ADC	138.062.504	138.062.504
Công ty CP ĐT & XD HUD 3	409.658.812	409.658.812
Công ty CP ĐT & XD HUD 1.02	553.178.470	553.178.470
Công ty TNHH MTV Điện tử Ngân Thanh	42.016.808	42.016.808
Công ty CP TV Quản Lý XD CMC	28.741.232	28.741.232
Công ty TNHH ĐT & XD Tân Nam Giang	270.115.840	270.115.840
DNTN Quốc Tiến	200.695.890	200.695.890
Công ty TNHH TV & XD Hải Long	252.097.302	252.097.302
Cộng	2.513.703.618	2.513.703.618

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

6.1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	49.657.163.805	35.200.983.432
Doanh thu bán hàng hóa	3.848.325.966	1.645.953.597
Doanh thu bán các thành phẩm	44.608.334.828	33.156.599.335
Doanh thu cung cấp cọc	365.790.000	187.854.480
Doanh thu nguyên vật liệu phụ	275.243.011	52.376.015
Doanh thu dịch vụ ép cọc	559.470.000	158.200.005
Các khoản giảm trừ doanh thu	381.058.929	123.764.074
Giảm giá hàng bán	-	12.302.719
Hàng bán bị trả lại	381.058.929	111.461.355
Doanh thu thuần	49.276.104.876	35.077.219.358
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>		
- Công ty CP Điện lực Khánh Hoà	19.572.726	2.660.322.797

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.652.023.876	1.320.337.044
Giá vốn thành phẩm bê tông ly tâm	37.485.618.771	27.372.689.924
Giá vốn cung cấp cọc	389.341.311	174.658.266
Giá vốn nguyên vật liệu phụ	209.839.816	41.724.145
Giá vốn dịch vụ ép cọc	526.535.200	150.152.274
Cộng	41.263.358.974	29.059.561.653

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	103.057.887	8.332.124
Cộng	103.057.887	8.332.124

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tài chính khác	53.063.673	-
Chi phí lãi vay	-	63.108.314
Cộng	53.063.673	63.108.314

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.689.174.845	1.991.672.195
Chi phí khác bằng tiền	225.920.049	476.914.040
Cộng	<u>4.915.094.894</u>	<u>2.468.586.235</u>

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	924.021.409	708.846.610
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.852.285	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.228.403	-
Thuế, Phí, Lệ phí	163.404.397	101.667.152
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	44.070.457	(293.911.220)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.295.926	136.189.271
Chi phí khác bằng tiền	826.395.749	1.246.799.648
Cộng	<u>2.183.268.626</u>	<u>1.899.591.461</u>

6.7. Lợi nhuận khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	<u>-</u>	<u>315.315.000</u>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	315.315.000
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	<u>100.264.068</u>	<u>745.899.313</u>
Tiền phạt, chậm nộp thuế	74.731.068	84.492
Chi phí khác	25.533.000	745.814.821
Lợi nhuận khác	<u>(100.264.068)</u>	<u>(430.584.313)</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	864.112.528	1.164.119.506
Điều chỉnh tăng	194.731.068	120.084.492
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	74.731.068	84.492
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	120.000.000	120.000.000
Điều chỉnh giảm	-	8.167.625
Hoàn nhập dự phòng phải thu	-	8.167.625
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	1.058.843.596	1.276.036.373
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	1.058.843.596	1.276.036.373
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	211.768.719	255.207.275
Thuế TNDN được miễn giảm (*)	-	(76.562.183)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	74.520.541	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	286.289.260	178.645.092

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6.9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.888.159.980	16.715.203.836
Chi phí nhân công	9.540.118.908	7.575.059.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.117.267.362	2.311.566.493
Chi phí dịch vụ hoạt động ép cọc	526.535.200	150.152.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.675.948.894	3.576.370.854
Chi phí khác bằng tiền	2.929.774.391	3.304.866.928
Chi phí dự phòng	44.070.457	(293.911.220)
Cộng	46.721.875.192	33.339.308.250

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.10. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	577.823.268	985.474.414
Các khoản điều chỉnh:	-	(235.474.414)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(235.474.414)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	577.823.268	750.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành (cổ phiếu)	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	385	500
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	385	500

Trình bày lại lãi trên cổ phiếu

Trong năm, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi dẫn đến thay đổi Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của năm trước như sau:

	Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)
Theo Báo cáo tài chính năm trước	985.474.414	657
Ảnh hưởng của việc trích quỹ KTPL	(235.474.414)	(157)
Số đã điều chỉnh	750.000.000	500

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2022.

7.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Thông tin bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Cổ đông lớn (tỷ lệ vốn góp là 31%)
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Cổ đông lớn (tỷ lệ vốn góp là 26%)
HĐQT, Ban Giám đốc, BKS, KTT	Quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Mua hàng	19.572.726	2.660.322.797
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Bán hàng	909.617.972	46.607.000
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Trả cổ tức	232.500.000	558.000.000
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Thanh lý TSCĐ	-	351.000.000
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Mua hàng	322.727.273	387.058.000
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Trả cổ tức	195.000.000	468.000.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Phải thu khách hàng	-	293.470.004
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Phải trả người bán	61.076.948	-
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Phải thu khách hàng	-	386.100.000

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Duy Cửu	Chủ tịch HĐQT	82.000.000	97.000.000
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT	78.000.000	48.000.000
Ông Phạm Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	56.000.000	68.000.000
Bà Đào Thị Hồng Thịnh	Người Phụ trách quản trị	30.000.000	34.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS	58.000.000	68.000.000
Ông Trịnh Giang Nam	Thành viên BKS	29.000.000	34.000.000
Bà Phan Thị Vân Hà	Thành viên BKS	29.000.000	34.000.000
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc	355.947.184	351.636.695
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	248.275.072	218.541.129
Ông Võ Trị	Kế toán trưởng	250.624.326	225.014.206
Cộng		1.216.846.581	1.178.192.030

7.4 Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm Công ty kinh doanh chủ yếu cột bê tông ly tâm và các dịch vụ liên quan tỉnh Khánh Hoà và một số địa bàn lân cận. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt trong năm 2022, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu bị ảnh hưởng bởi việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và được trình bày lại như sau:

Báo cáo kết quả kinh doanh

Mã số		Năm 2021	
		Trước khi phân loại lại	Sau khi phân loại lại
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	657	500

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng

Võ Trị

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Phước Vĩnh Khải

